

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 567/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22 – 9 - 2024

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn,
nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hồ Ngọc Luân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Điệp

2. Ông Huỳnh Hoàng Nam

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà:* Bà Trần ThúyAn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 755/2024/TLST - HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 354/2024/QĐXX-ST, ngày 19 tháng 8 năm 2024; giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Thị Ngọc A, sinh năm: 1991 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Anh Võ Hoàng G, sinh năm: 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu dân cư ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Thị Ngọc A trình bày: chị và anh G tự tìm hiểu quen biết trước và được gia đình cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2016, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống cũng hạnh phúc nhưng dần về sau thì cuộc sống bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự quan tâm lẫn nhau, anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị thấy giữa chị và anh G không thể nào tiếp tục chung sống hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh G. Về con chung, chị và anh G chung sống có 02 người con chung tên Võ Thị Ngọc Y, sinh ngày 10/10/2010 và Võ Quang T, sinh ngày 18/10/2013. Chị Ngọc A xác định hiện các con đang sống với chị. Đối với con chung chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và xét theo ý kiến của con, chị không yêu cầu anh G cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Võ Hoàng G không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Ngọc A.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị Ngọc A và anh G tự tìm hiểu quen biết và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện G cấp giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân giữa chị Ngọc A và anh G là hợp pháp. Chị Ngọc A cho rằng giữa chị và anh G mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung, anh G không có trách nhiệm với gia đình từ đó làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Kể từ khi ly thân đến nay anh G cũng không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nên xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của chị và anh G đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn anh G là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị Ngọc A ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị Ngọc A xác định chị và anh G có hai người con chung tên Võ Thị Ngọc Y, sinh ngày 10/10/2010 và Võ Quang T, sinh ngày 18/10/2013. Chị Ngọc A yêu cầu được quyền nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh G cấp dưỡng và xét theo nguyện vọng của cháu Y và cháu T. Tại bản khai, cháu Y và

cháu T có nguyện vọng được sống với chị Ngọc A và hiện tại các con đang sống với chị Ngọc A. Anh G không có ý kiến phản đối cho rằng chị Ngọc A không đủ điều kiện nuôi con nên đề nghị áp dụng Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, xem xét giao hai người con chung cho chị Võ Thị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Ngọc A không yêu cầu anh G cấp dưỡng nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Ngọc A xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh G cũng không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Ngọc A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Chị Thị Ngọc A khởi kiện yêu cầu ly hôn, được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung với anh Võ Hoàng G nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và anh G với tư cách là bị đơn trong vụ kiện có nơi cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn anh Võ Hoàng G hiện đang sinh sống tại huyện Giồng Riềng. Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh G nhưng không thực hiện được do anh G không có mặt tại nhà. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhằm thông tin nội dung vụ kiện, các yêu cầu của chị Ngọc A để anh G biết và có ý kiến phản hồi nhưng anh G vắng mặt qua các lần công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên Tòa xét xử không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tiến hành đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt anh G là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị Ngọc A và anh Võ Hoàng G tự tìm hiểu quen biết trước và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh, chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị và anh G phát sinh nhiều mâu thuẫn. Anh G không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Ngọc A. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự: Anh G không có ý kiến phản đối cũng như cung cấp tài liệu chứng cứ gì. Mặc dù, nguyên nhân mâu thuẫn theo trình bày chị Ngọc A là do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung giữa vợ chồng. Từ đó làm cho

tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không còn thương yêu quan tâm lẫn nhau. Hiện tại giữa chị và anh G đã không còn chung sống với nhau nên có đủ căn cứ để chứng minh đời sống chung của chị Ngọc A và anh G không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được. Và kể từ thời điểm chị và anh sống ly thân với nhau đến ngày chị khởi kiện, anh G cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, mặc dù Tòa án đã triệu tập anh để tham gia hòa giải nhưng anh vắng mặt. Xét thấy, chị và anh G đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng nên chị yêu cầu được ly hôn với anh G là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Ngọc A được ly hôn anh G.

[2.2] Về con chung, chị Ngọc A xác định chị và anh G có hai người con chung tên Võ Thị Ngọc Y, sinh ngày 10/10/2010 và Võ Quang T, sinh ngày 18/10/2013. Hiện các con đang sống với chị. Chị Ngọc A yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại các con đang sống cùng chị Ngọc A, các cháu vẫn phát triển tốt, anh G cũng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu của chị Ngọc A về quyền nuôi con. Xét theo nguyện vọng của cháu Y và cháu T các con có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với chị Ngọc A. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử giao hai người con chung tên Võ Thị Ngọc Y, sinh ngày 10/10/2010 và Võ Quang T, sinh ngày 18/10/2013 cho chị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng. Anh G không cấp dưỡng nuôi con do chị Ngọc A không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh G được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

[2.2] Về tài sản chung và nợ chung: chị Ngọc A xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh G cũng không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, trường hợp sau này có tranh chấp thì khởi kiện thành vụ kiện khác.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; Án phí ly hôn sơ thẩm chị Ngọc A phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị Ngọc A đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002333 ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị Ngọc A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thị Ngọc A được ly hôn với anh Võ Hoàng G.

2. Về con chung: Giao hai người con chung tên Võ Thị Ngọc Y, sinh ngày 10/10/2010 và Võ Quang T, sinh ngày 18/10/2013 cho chị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng (xét theo ý kiến của cháu Y và cháu T được sống với chị Ngọc A). Anh G không cấp dưỡng nuôi con chung do chị Ngọc A không yêu cầu.

Anh G được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Thị Ngọc A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Ngọc A đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002333 ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, nên không phải nộp thêm.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 (mười lăm) kể từ ngày tuyên án hoặc ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Ngọc Luân